



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thương mại và Xây dựng Đông Dương

Ngày 30/06/2025	13,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-0.8%	-1.5%

DT thuần Q2/25
123
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 50.8 70.8%
YoY: ▼ 4.00 -2.9%

LN thuần Q2/25
0.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.46 -37.1%
YoY: ▼ 1.49 -65.8%

LN sau thuế Q2/25
0.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.48 -48.6%
YoY: ▼ 0.01 -1.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
2.9%
YoY: +/- ▼ 1.5%

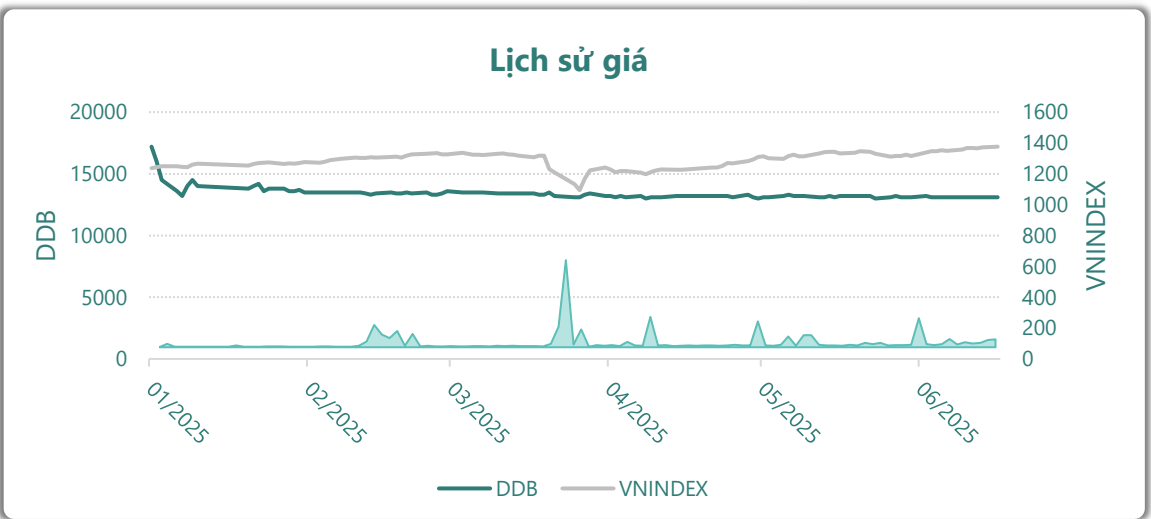
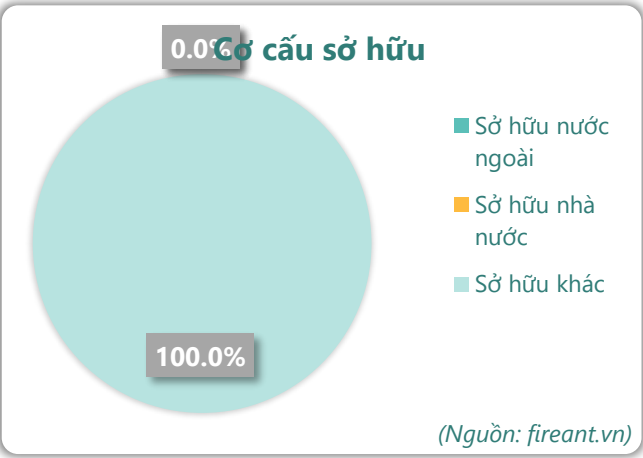
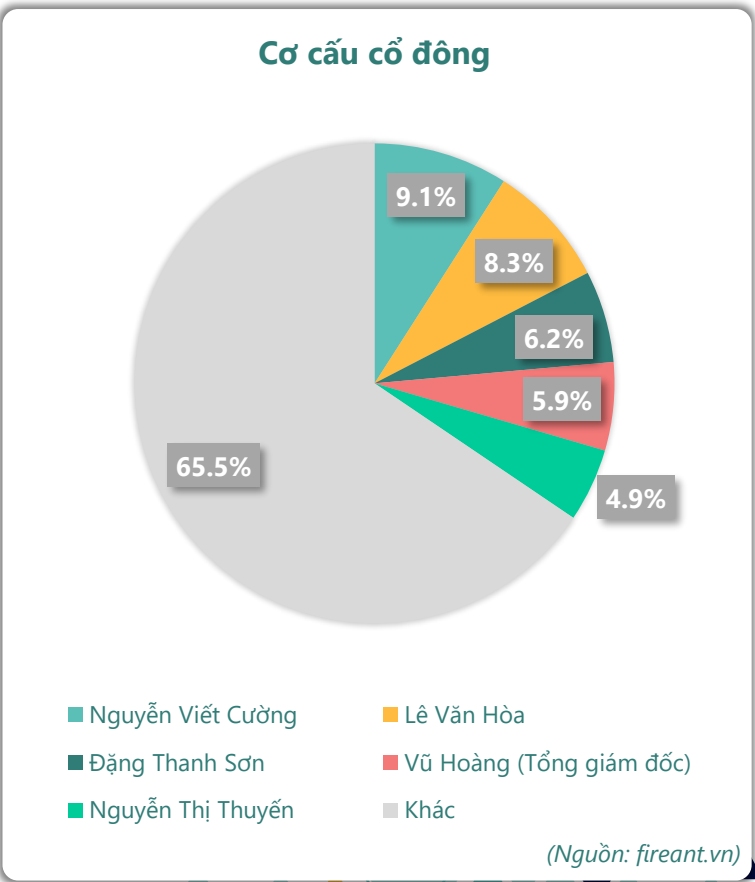
ROE (TTM) Q2/25
3.9%
YoY: +/- ▼ 0.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	13,000 - 17,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	157
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,530
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.04
EPS	484
P/E	27.0

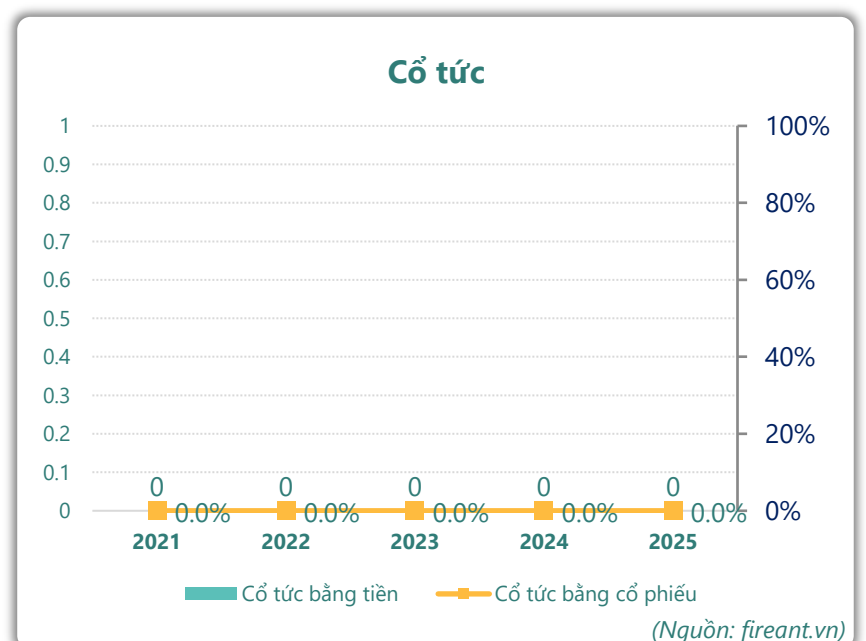
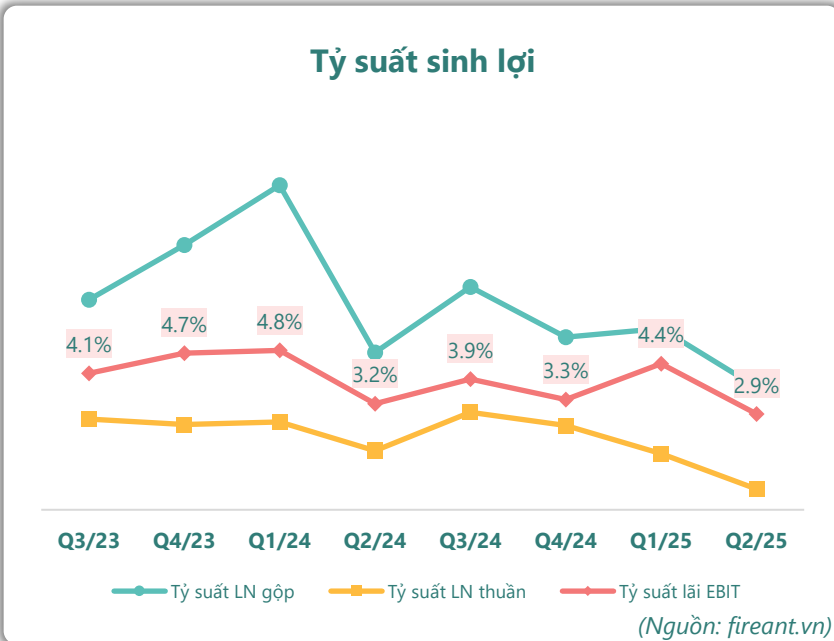
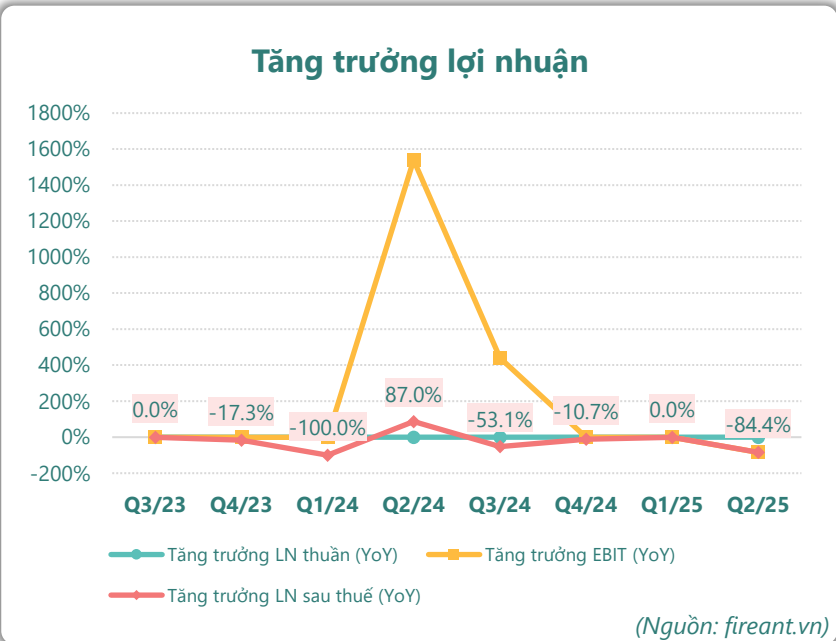
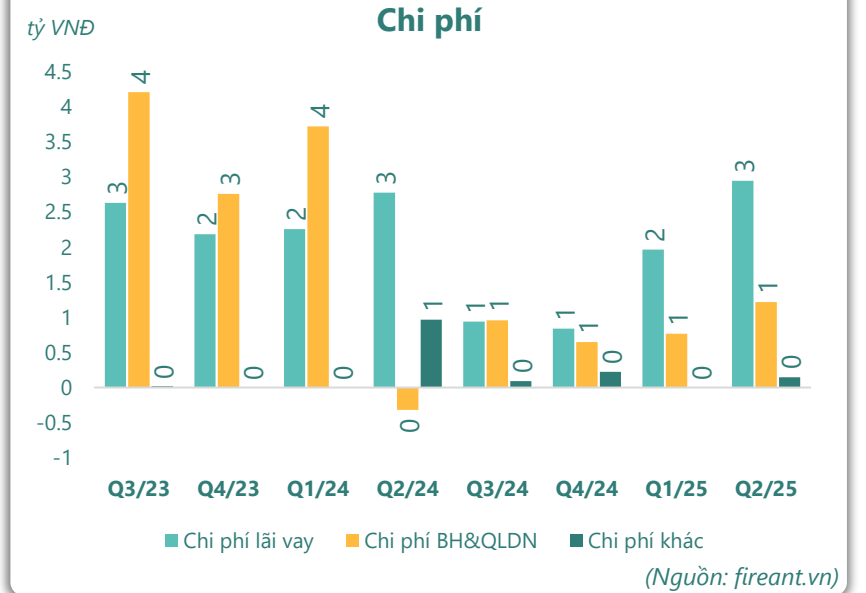
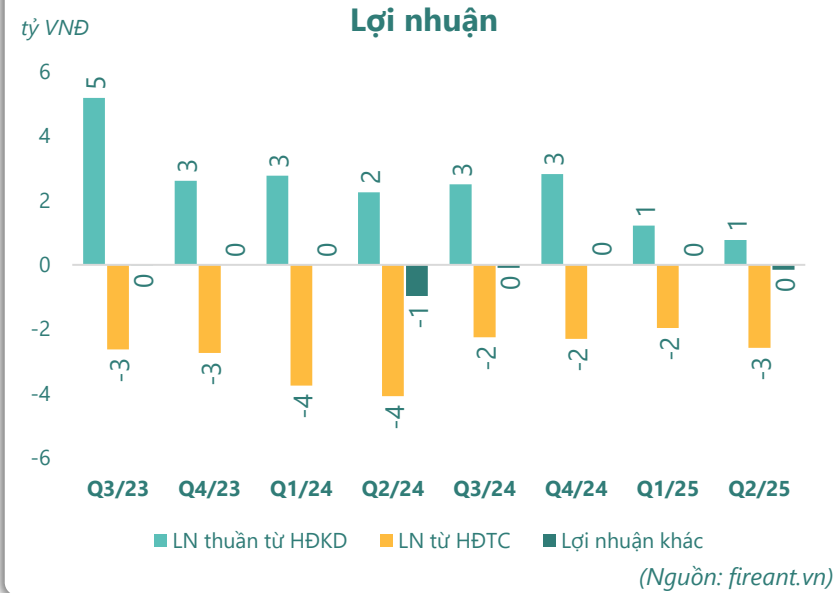
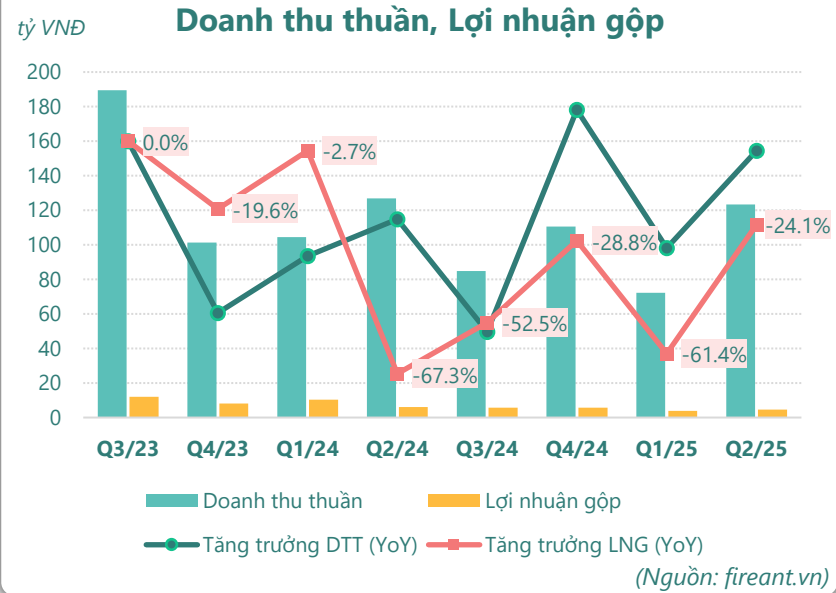
DT thuần 6T 2025
196
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 35.0 -15.5%

LN thuần 6T 2025
2.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.04 -60.3%

LN sau thuế 6T 2025
1.49
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 1.80 -54.8%



KẾT QUẢ KINH DOANH

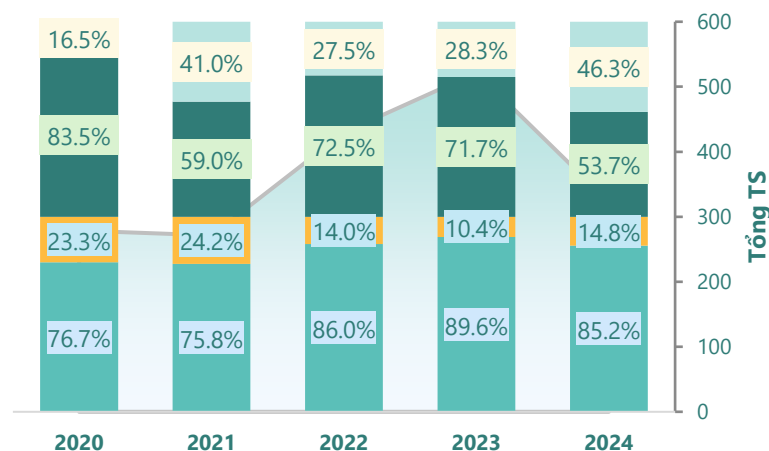




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

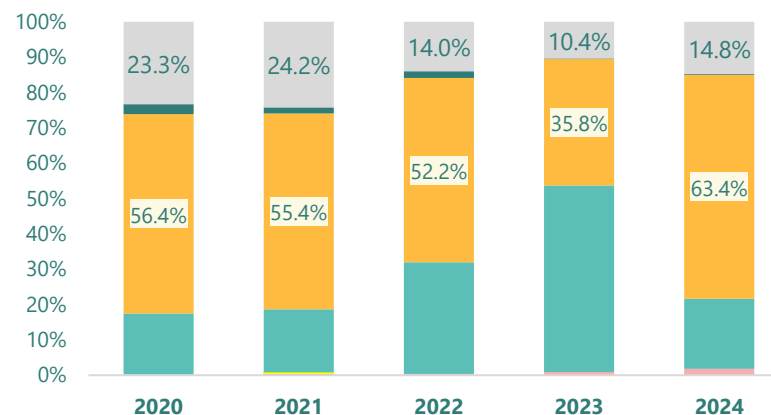
tỷ VNĐ



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

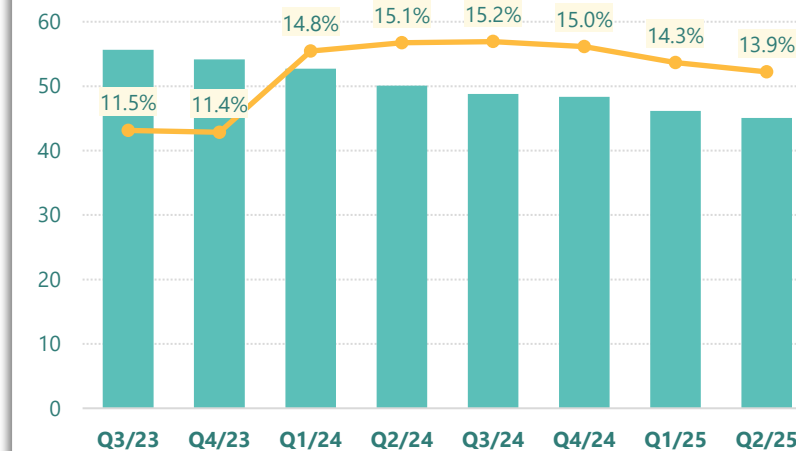


Tiền và TĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

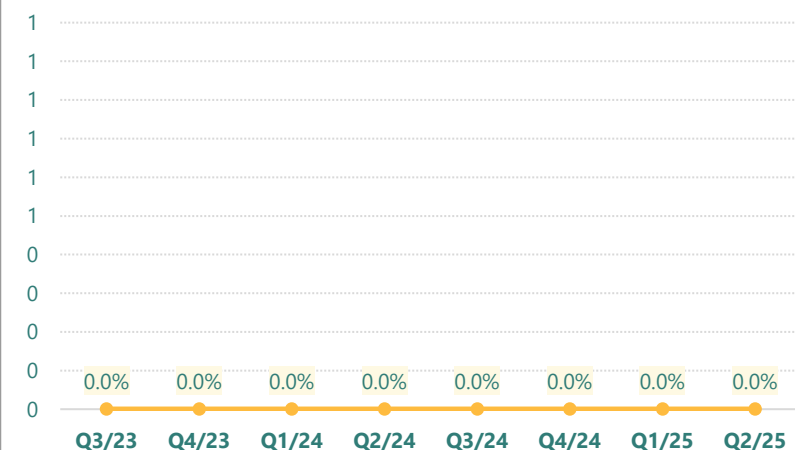


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

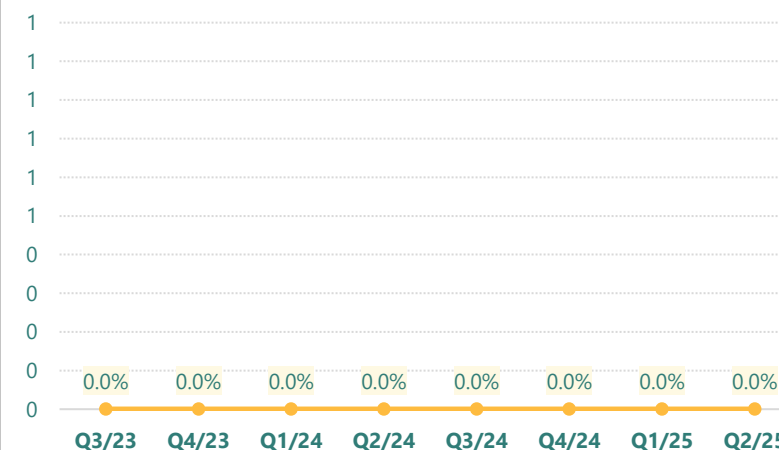


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

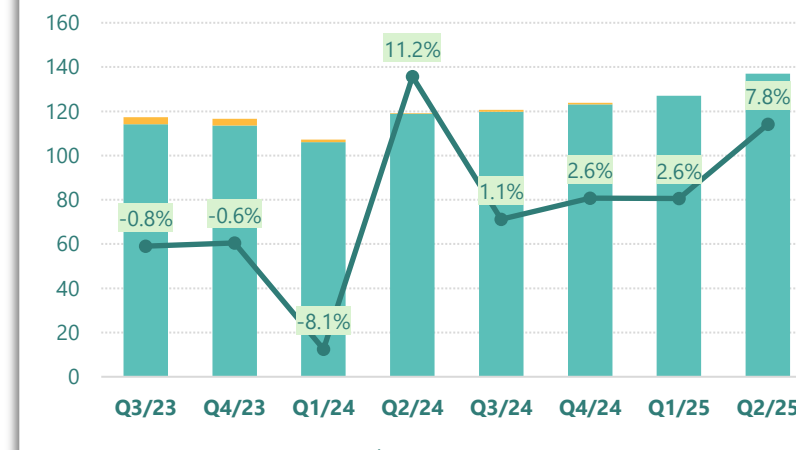


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



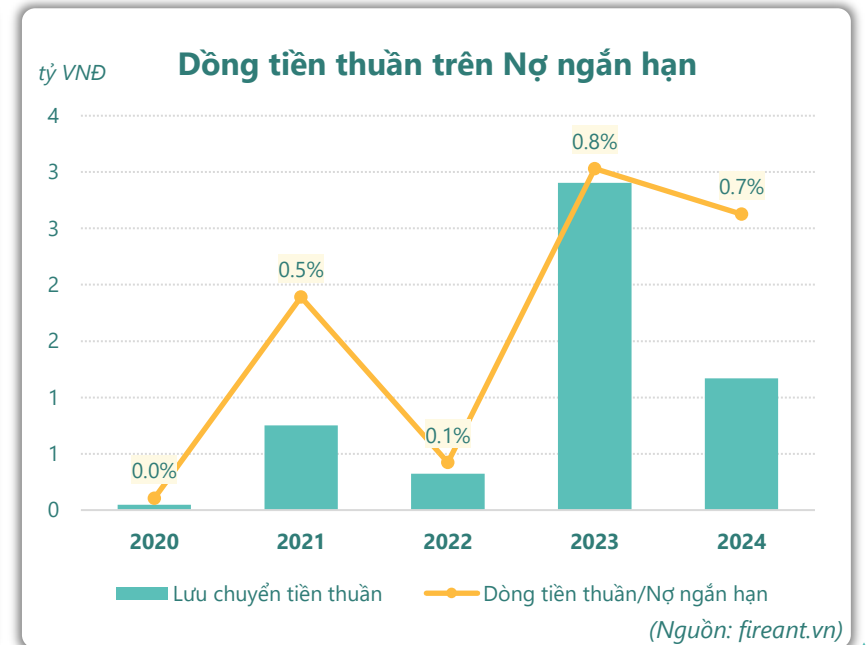
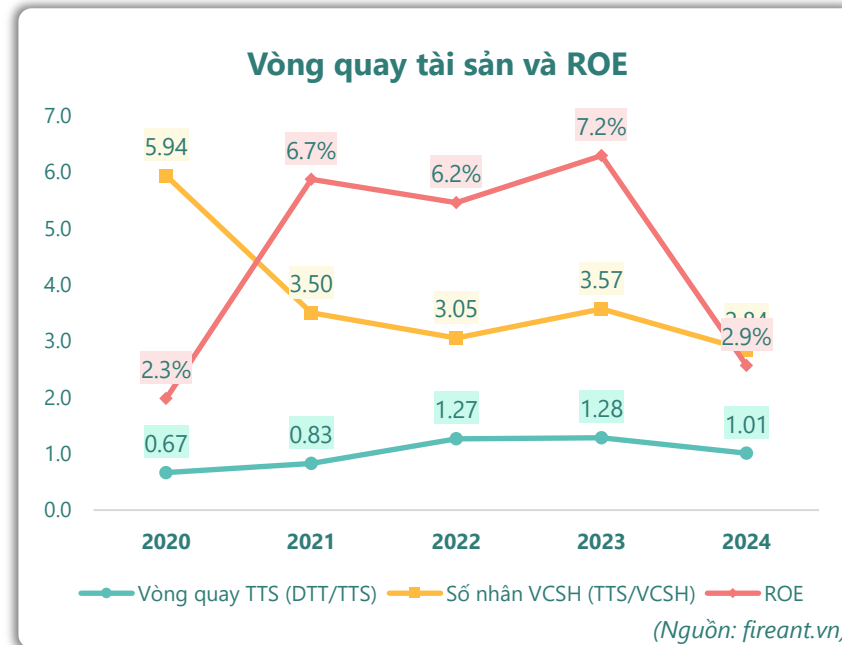
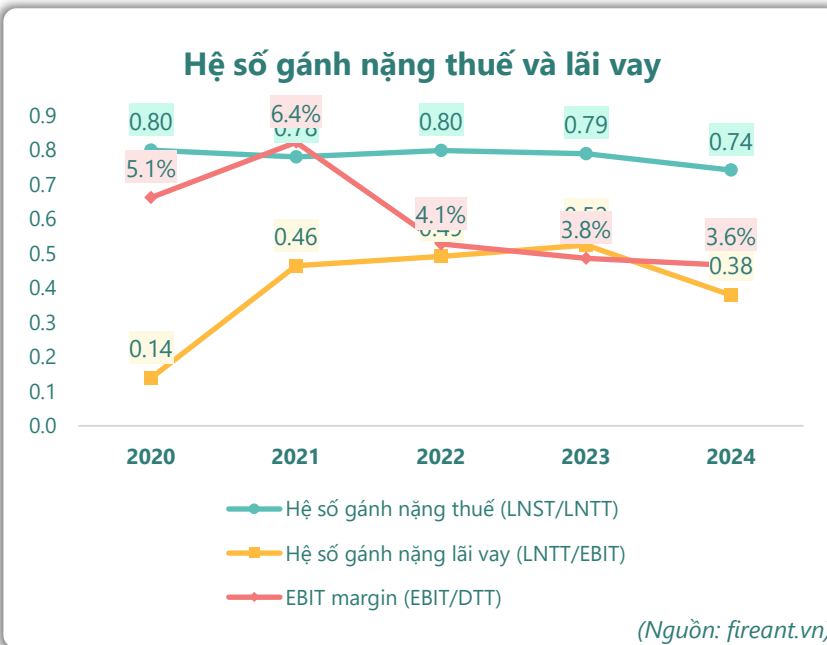
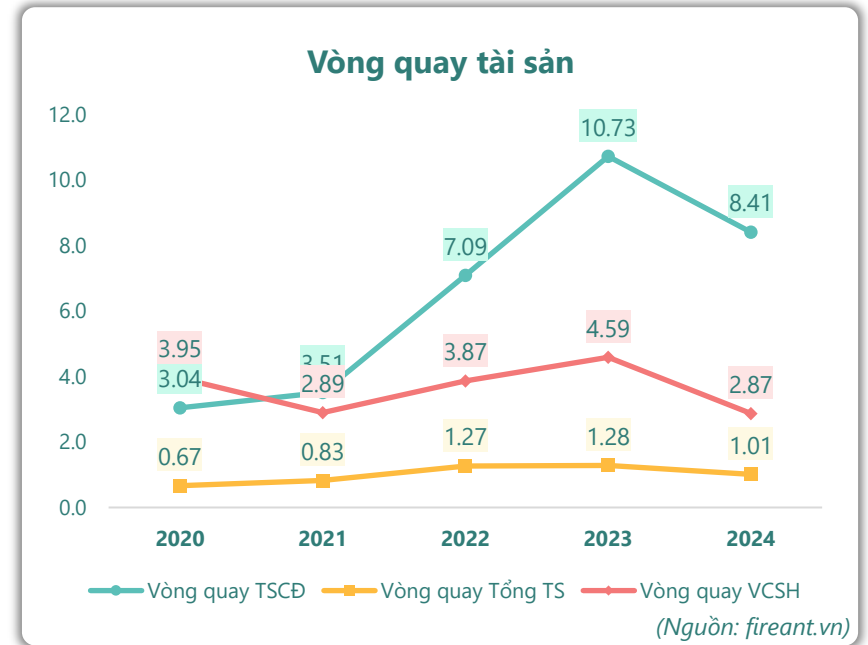
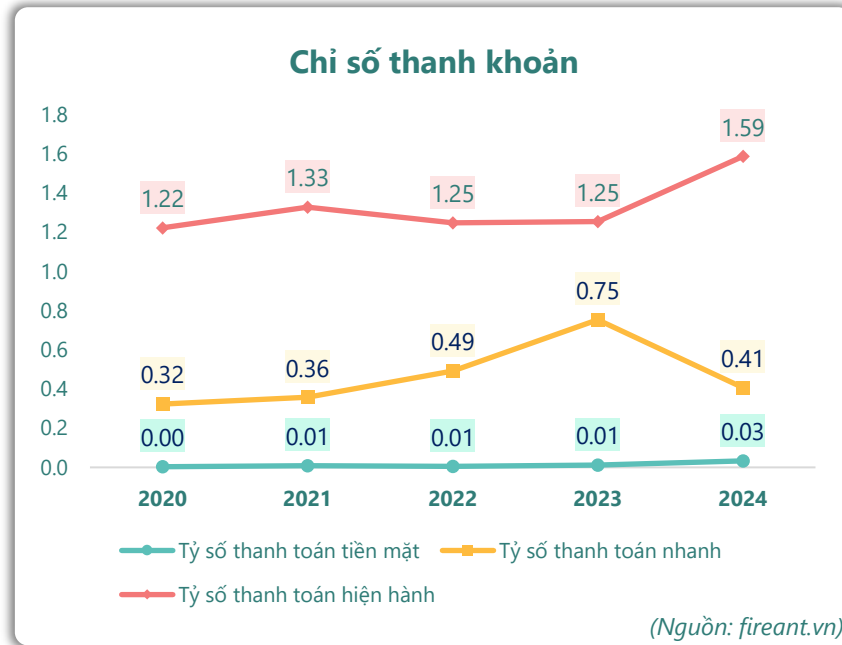
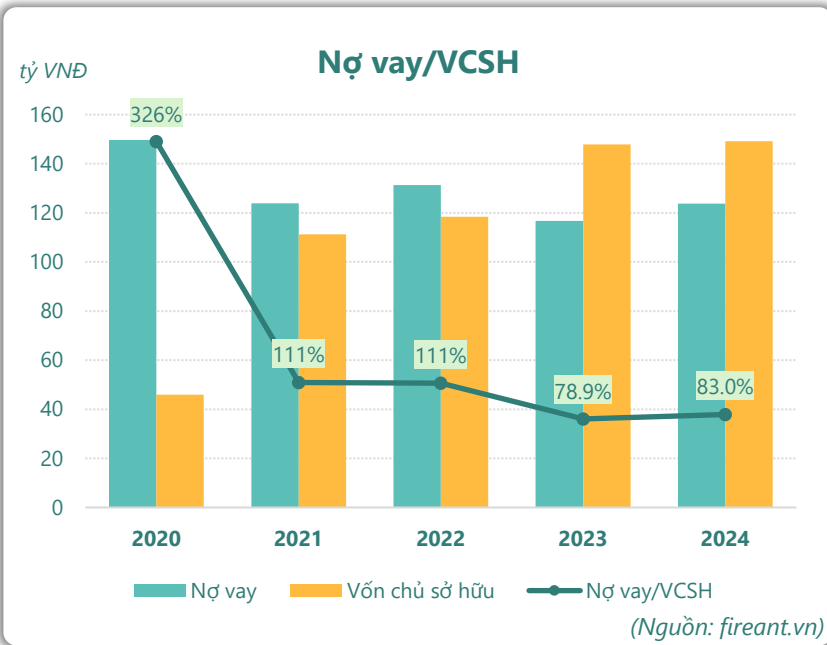
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	123	127	-2.9%	196	231	-15.5%
Giá vốn hàng bán	119	121	-1.9%	187	215	-13.1%
Lợi nhuận gộp	4.58	6.03	-24.1%	8.53	16.3	-47.6%
Doanh thu HĐTC	0.37	0.74	-50.3%	0.37	0.75	-50.7%
Chi phí TC	2.95	4.83	-38.9%	4.92	8.60	-42.8%
Chi phí lãi vay	2.95	2.78	6.1%	4.92	5.04	-2.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.18	-0.60	131%	0.41	1.33	-69.5%
Chi phí QLDN	1.04	0.28	270%	1.58	2.08	-24.0%
LN thuần từ HĐKD	0.77	2.26	-65.8%	2.00	5.04	-60.3%
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.97	84.8%	-0.15	-0.97	84.8%
LN trước thuế	0.63	1.29	-51.4%	1.85	4.07	-54.5%
Lợi nhuận sau thuế	0.50	0.51	-1.2%	1.49	3.29	-54.8%
LNST của CĐ cty mẹ	0.50	0.51	-1.2%	1.49	3.29	-54.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.27	1.58	0.92	0	-12.1	-0.46
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.01	0	0	8.50	-13.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.28	0.76	1.53	0	3.32	9.83
Tiền đầu kỳ	4.55	3.55	4.55	0	5.72	5.44
Lưu chuyển tiền thuần	-1.00	2.34	2.45	0	-0.28	-4.12
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.55	5.89	7.00	0	5.44	1.32

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	324	322	0.4%
Tài sản ngắn hạn	278	275	1.3%
Tiền và tương đương tiền	1.32	5.72	-77.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	0	
Phải thu ngắn hạn	67.9	64.0	6.1%
Hàng tồn kho	197	204	-3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0.83	-46.4%
Tài sản dài hạn	45.3	47.6	-4.8%
Phải thu dài hạn	0.22	0.22	0.0%
Tài sản cố định	45.1	47.3	-4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.06	-29.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	173	173	-0.1%
Nợ ngắn hạn	173	173	-0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	137	124	10.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.34	22.8	-59.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	151	149	1.0%
Vốn chủ sở hữu	151	149	1.0%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

